

Số: 119 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt, công bố
Chỉ số và xếp hạng kết quả cải cách hành chính năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy chế đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính của tỉnh tại Tờ trình số 208/TTr-HĐTD ngày 09 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt, công bố Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và xếp hạng kết quả cải cách hành chính năm 2025 của các Sở, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (*Phụ lục Chỉ số và xếp hạng cải cách hành chính năm 2025 kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Thủ trưởng các Sở, ngành thuộc tỉnh, các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 để xây dựng và triển khai kế hoạch, biện pháp, giải pháp khắc phục những hạn chế, thiếu sót (*cụ thể theo Bảng kết quả chấm điểm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên Phần mềm Hệ thống quản lý chấm điểm – Bộ chỉ số cải cách hành chính các cấp tỉnh Khánh Hòa*); nỗ lực thực hiện tốt hơn công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Căn cứ Chỉ số và xếp hạng kết quả cải cách hành chính, Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các

cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các xã, phường, đặc khu;
- Hội đồng TD-KT tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Cổng TTĐT tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình KH;
- Cổng TTĐT CCHC tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, HL, QTr. 9



CHỦ TỊCH

Trần Phong

Phụ lục.
CHỈ SỐ VÀ XẾP HẠNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 119 /QĐ-UBND ngày 12/01/2026 của UBND tỉnh)

TT	Tên cơ quan	Điểm chuẩn	Điểm thẩm định	Chỉ số CCHC (%)	Xếp hạng CCHC
I	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC UBND TỈNH				
1	Sở Tư pháp	93	86,5	93,01	Tốt
2	Sở Nội vụ	92	85,19	92,60	Tốt
3	Sở Khoa học và Công nghệ	93,5	85,49	91,43	Tốt
4	Thanh tra tỉnh	78	71	91,03	Tốt
5	Sở Dân tộc và Tôn giáo	76	69,09	90,91	Tốt
6	Văn phòng UBND tỉnh	91	82,63	90,80	Tốt
7	Sở Tài chính	88,5	80,15	90,56	Tốt
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	94	84,89	90,31	Tốt
9	Sở Xây dựng	94	84,71	90,12	Tốt
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	94	84,48	89,87	Tốt
11	Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	92	82,53	89,71	Tốt
12	Sở Y tế	94	84,22	89,60	Tốt
13	Sở Công Thương	92	81,04	88,09	Tốt
14	Sở Nông nghiệp và Môi trường	94	73,14	77,81	Khá
II	CÁC CƠ QUAN NGÀNH DỤC				
1	Thuế tỉnh Khánh Hòa	94	85,53	90,99	Tốt
2	Công an tỉnh Khánh Hòa	93	83,95	90,27	Tốt
3	Bảo hiểm xã hội tỉnh Khánh Hòa	92	82,49	89,66	Tốt
III	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC UBND TỈNH				
1	Ban Quản lý dự án phát triển tỉnh	91,5	87,43	95,55	Tốt
2	Trường Đại học Khánh Hòa	91,5	86,5	94,54	Tốt
3	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa	91,5	85,94	93,92	Tốt
4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh	92,5	85,75	92,7	Tốt
5	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	91,5	84	91,8	Tốt

TT	Tên cơ quan	Điểm chuẩn	Điểm thẩm định	Chỉ số CCHC (%)	Xếp hạng CCHC
6	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	91,5	83	90,71	Tốt
7	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh	88,5	79	89,27	Tốt
8	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa - Phước Bình	90,5	72,19	79,77	Khá
9	Trường Cao đẳng Công nghệ - Năng lượng Khánh Hòa	90,5	68,13	75,28	Khá
10	Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa	89,5	67,32	75,22	Khá
IV	ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG				
1	UBND phường Bắc Cam Ranh	91,5	86,65	94,70	Tốt
2	UBND phường Nha Trang	92	85,65	93,10	Tốt
3	UBND xã Khánh Vĩnh	89,5	83,11	92,86	Tốt
4	UBND phường Cam Linh	91,5	84,65	92,51	Tốt
5	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	89,5	82,74	92,45	Tốt
6	UBND phường Nam Nha Trang	91,5	84,29	92,12	Tốt
7	UBND xã Diên Thọ	91,5	83,47	91,22	Tốt
8	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	89,5	81,62	91,20	Tốt
9	UBND phường Cam Ranh	91,5	83,24	90,97	Tốt
10	UBND phường Hòa Thắng	91,5	82,88	90,58	Tốt
11	UBND xã Nam Cam Ranh	91,5	82,78	90,47	Tốt
12	UBND phường Bắc Nha Trang	91,5	82,6	90,27	Tốt
13	UBND xã Diên Khánh	91,5	82,3	89,95	Tốt
14	UBND xã Cam Lâm	91,5	82,2	89,84	Tốt
15	UBND xã Khánh Sơn	89,5	80,37	89,80	Tốt
16	UBND phường Ninh Hòa	91,5	81,69	89,28	Tốt
17	UBND phường Đông Ninh Hòa	91,5	81,37	88,93	Tốt
18	UBND xã Tân Định	91,5	81,23	88,78	Tốt
19	UBND xã Tu Bông	89,5	79,26	88,56	Tốt
20	UBND xã Hòa Trí	91,5	80,27	87,73	Tốt
21	UBND xã Vạn Thắng	91,5	80,11	87,55	Tốt
22	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	91,5	79,98	87,41	Tốt

TT	Tên cơ quan	Điểm chuẩn	Điểm thẩm định	Chỉ số CCHC (%)	Xếp hạng CCHC
23	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	89,5	77,9	87,04	Tốt
24	UBND xã Đại Lãnh	91,5	79,57	86,96	Tốt
25	UBND phường Ba Ngòi	91,5	78,7	86,01	Tốt
26	UBND xã Vạn Hưng	89,5	76,98	86,01	Tốt
27	UBND xã Suối Hiệp	91,5	77,91	85,15	Tốt
28	UBND xã Bắc Ninh Hòa	91,5	77,8	85,03	Tốt
29	UBND xã Cam An	91,5	77,79	85,02	Tốt
30	UBND xã Diên Lâm	91,5	77,79	85,02	Tốt
31	UBND xã Nam Ninh Hòa	91,5	77,78	85,01	Tốt
32	UBND xã Diên Điền	91,5	76,58	83,69	Khá
33	UBND xã Đông Khánh Sơn	89,5	74,84	83,62	Khá
34	UBND xã Suối Dầu	91,5	76,12	83,19	Khá
35	UBND xã Tây Ninh Hòa	91,5	75,95	83,01	Khá
36	UBND xã Vạn Ninh	91,5	75,05	82,02	Khá
37	UBND xã Tây Khánh Sơn	89,5	73,23	81,82	Khá
38	UBND phường Phan Rang	91,5	73,94	80,81	Khá
39	UBND xã Diên Lạc	91,5	73,44	80,26	Khá
40	UBND phường Tây Nha Trang	91,5	73,06	79,85	Khá
41	UBND phường Đông Hải	91,5	72,05	78,74	Khá
42	UBND xã Cam Hiệp	91,5	71,68	78,34	Khá
43	UBND phường Bảo An	91,5	70,48	77,03	Khá
44	UBND phường Ninh Chữ	91,5	70,43	76,97	Khá
45	UBND xã Phước Dinh	91,5	68,65	75,03	Khá
46	UBND xã Xuân Hải	91,5	68,64	75,02	Khá
47	UBND xã Lâm Sơn	89,5	61,86	69,12	Trung bình
48	UBND xã Mỹ Sơn	89,5	61,12	68,29	Trung bình
49	UBND xã Phước Hà	91,5	60,79	66,44	Trung bình
50	UBND xã Bắc Ái Tây	89,5	59,2	66,15	Trung bình
51	UBND xã Bắc Ái Đông	89,5	58,46	65,32	Trung bình
52	UBND xã Cà Ná	91,5	59,53	65,06	Trung bình
53	UBND xã Anh Dũng	89,5	57,31	64,03	Trung bình

TT	Tên cơ quan	Điểm chuẩn	Điểm thẩm định	Chỉ số CCHC (%)	Xếp hạng CCHC
54	UBND xã Ninh Sơn	91,5	58,2	63,61	Trung bình
55	UBND xã Thuận Nam	89,5	55,44	61,94	Trung bình
56	UBND xã Ninh Phước	91,5	55,48	60,63	Trung bình
57	UBND xã Ninh Hải	91,5	55,11	60,23	Trung bình
58	UBND xã Bác Ái	89,5	53,77	60,08	Trung bình
59	UBND xã Phước Hậu	91,5	54,95	60,05	Trung bình
60	UBND xã Phước Hữu	91,5	54,92	60,02	Trung bình
61	UBND xã Vĩnh Hải	91,5	54,92	60,02	Trung bình
62	UBND xã Công Hải	91,5	54,91	60,01	Trung bình
63	UBND xã Thuận Bắc	89,5	53,70	60,00	Trung bình
64	UBND phường Đô Vinh	91,5	54,90	60,00	Trung bình

Tổng hợp chung:

Khối cơ quan, đơn vị	Xếp hạng				Tổng
	TỐT	KHÁ	TRUNG BÌNH	YẾU	
Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh	13	1	0	0	14
Các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh	3	0	0	0	3
Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh	7	3	0	0	10
UBND các xã, phường	31	15	18	0	64
Tổng cộng	54	19	18	0	91